

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **153** /TTr-UBND

Bắc Kạn, ngày **20** tháng 11 năm 2020

### **TỜ TRÌNH**

#### **Về việc ban hành Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Kạn**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025;

Tại điểm e, khoản 2, Điều 9, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định: “*Trước ngày 10 tháng 12 năm thứ 5 của kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn trước, căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn sau của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn sau*”.

Tại điểm e, khoản 2, Điều 19 Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính quy định: “*Trước ngày 10 tháng 12 năm 2020, căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025 của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025*”.

Từ cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Kạn, gồm các nội dung sau:

## **1. Mục tiêu tổng quát**

Ban hành các văn bản quy định về cơ chế tài chính địa phương; huy động, phân phối, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tiếp tục cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, đầu tư hợp lý cho con người và giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính; giảm mạnh và kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, nợ công.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2025: 4.562 tỷ đồng, tăng 41,2% so với giai đoạn 2016-2020, trong đó:

- Thu nội địa: 4.512 tỷ đồng, tăng 41,3% so với giai đoạn 2016-2020.
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 50 tỷ đồng tăng 37,6% so với giai đoạn 2016 - 2020.

### **2.2. Thu ngân sách địa phương**

Tổng thu ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 30.470,531 tỷ đồng, trong đó:

- Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp giai đoạn 2021-2025 là 3.961,6 tỷ đồng, tăng 42,9% so với giai đoạn 2016 – 2020.
- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025: 26.473,944 tỷ đồng, tăng 20,7% so với giai đoạn trước.
- Các khoản thu khác (thu chuyển nguồn từ năm trước sang): 34,987 tỷ đồng.

### **2.3. Chi ngân sách địa phương**

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 30.490,335 tỷ đồng, tăng 24,5% so với giai đoạn 2016-2020, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 11.074,033 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên: 18.925,231 tỷ đồng.
- Chi trả nợ lãi: 21,78 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách địa phương chưa bao gồm chi Chương trình mục tiêu quốc gia; các Chương trình này sẽ được bổ sung khi Trung ương thông báo vốn giai đoạn 2021 – 2025 cho tỉnh.

### **2.4. Bội chi, vay và trả nợ vay của ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025**

- Bội chi ngân sách là 19,804 tỷ đồng.
- Tổng số vay của ngân sách địa phương là 162,723 tỷ đồng.
- Tổng số trả nợ gốc là 142,919 tỷ đồng.

### **3. Giải pháp thực hiện Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025**

#### **3.1. Giải pháp về thu ngân sách nhà nước**

- Chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến khoáng sản, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh vì đây là ngành có đóng góp chủ yếu vào ngân sách. Tăng cường các giải pháp thu hút đầu tư, trong đó trọng tâm đơn đốc các nhà đầu tư hoàn thành các dự án công nghiệp trọng điểm. Bên cạnh đó cần chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu dân cư, đồng thời các địa phương cần chú trọng hơn nữa trong công tác thu ngân sách, tăng cường kiểm soát nguồn thu, chống thất thu ngân sách.

- Các cấp chính quyền quan tâm và có cơ chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh nhằm tăng trưởng kinh tế, tăng cường hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư chiều sâu, doanh nghiệp mở rộng sản xuất, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để kêu gọi, thu hút vốn đầu tư nước ngoài bằng nhiều hình thức, tranh thủ tối đa nguồn vốn của Trung ương, vốn ODA thực hiện đầu tư có trọng điểm, ưu tiên cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, các lĩnh vực phát triển có giá trị kinh tế cao, tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư của tỉnh phù hợp với tình hình thực tế, nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh thu hút nguồn lực toàn xã hội cho phát triển kinh tế.

- Ngành Thuế tích cực, chủ động và thường xuyên làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về công tác thu ngân sách trên địa bàn, kịp thời đề xuất và tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong công tác thu ngân sách đảm bảo thu đúng, thu đủ và quản lý chặt chẽ các nguồn thu và chống thất thu ngân sách có hiệu quả. Tham mưu biện pháp quản lý hiệu quả và có biện pháp chống thất thu hoặc áp dụng ấn định thuế đối với các lĩnh vực có khả năng thất thu như lĩnh vực khai thác khoáng sản, lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

#### **3.2. Giải pháp về chi ngân sách nhà nước**

Thực hiện nghiêm Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, các Luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn Luật. Quản lý chi ngân sách chủ động, chặt chẽ, linh hoạt, tiết kiệm, đúng quy định và trong phạm vi dự toán được giao. Tiết kiệm chi ngân sách trong các khâu phân bổ, giao dự toán và thực hiện chi ngân sách. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Đổi mới cơ chế quản lý, phân cấp thu - chi ngân sách và phân bổ ngân sách để các đơn vị, địa phương phát huy tối đa nội lực, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách. Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp về thắt chặt chi tiêu ngân sách, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển nhằm đảm bảo cơ cấu chi ngân sách hợp lý, tăng dần tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách. Bố trí vốn cho các dự án trọng tâm, trọng điểm hoàn thành sớm để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tránh dàn trải và lãng phí ngân sách; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn (đặc biệt là vốn đầu tư phát triển, các Chương trình mục tiêu,

Chương trình mục tiêu quốc gia). Chuyển hướng dần quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện tốt việc sắp xếp, đổi mới hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, phấn đấu cắt giảm kinh phí chi từ ngân sách nhà nước đối với khu vực sự nghiệp công, cắt giảm kinh phí thông qua việc cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức và tinh gọn bộ máy quản lý hành chính nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách địa phương.

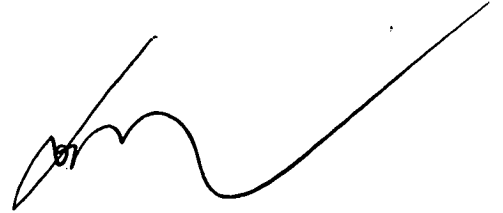
*(Có báo cáo Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Kạn và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh)*

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

**Nơi nhận:**

- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- QCT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP (Đ/c Nguyễn);
- Lưu: VT, Lan. *ML*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
Q. CHỦ TỊCH**



**Đỗ Thị Minh Hoa**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BẮC KẠN** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2020

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**  
**KHOÁ IX, KỲ HỌP THƯỜNG LỆ THÁNG 12 NĂM 2020**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28/6/2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025,*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc đề nghị ban hành Nghị quyết về Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo Thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2020 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Mục tiêu Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025:**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Ban hành các văn bản quy định về cơ chế tài chính địa phương; huy động, phân phối, quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tiếp tục cơ cấu lại thu, chi ngân sách nhà nước; triệt để tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hiệu quả vốn đầu tư công, đầu tư hợp lý cho con người và giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính đi đôi với đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa và tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tài chính; giám mạnh và kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, nợ công.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **2.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 là 4.562 tỷ đồng, tăng 41,2% so với giai đoạn 2016-2020, trong đó:

- Thu nội địa: 4.512 tỷ đồng, tăng 41,3% so với giai đoạn 2016 - 2020;
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 50 tỷ đồng tăng 37,6% so với giai đoạn 2016 - 2020.

### **2.2. Thu ngân sách địa phương:**

Tổng thu ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 30.470,531 tỷ đồng, trong đó:

- Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp giai đoạn 2021-2025 là 3.961,6 tỷ đồng, tăng 42,9% so với giai đoạn 2016-2020.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 là 26.473,944 tỷ đồng, tăng 20,7% so với giai đoạn trước.

- Các khoản thu khác (thu chuyên nguồn từ năm trước sang): 34,987 tỷ đồng.

### **2.3. Chi ngân sách địa phương:**

Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025: 30.490,335 tỷ đồng, tăng 24,5% so với giai đoạn 2016 - 2020, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển là 11.074,033 tỷ đồng.

- Chi thường xuyên là 18.925,231 tỷ đồng.

- Chi trả nợ lãi là 21,78 tỷ đồng.

Tổng chi ngân sách địa phương chưa bao gồm chi Chương trình mục tiêu quốc gia; các Chương trình này sẽ được bổ sung khi Trung ương thông báo vốn giai đoạn 2021 – 2025 cho tỉnh.

### **2.4. Bội chi, vay và trả nợ vay của ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025.**

- Bội chi ngân sách là 19,804 tỷ đồng.

- Tổng số vay của ngân sách địa phương là 162,723 tỷ đồng.

- Tổng số trả nợ gốc là 142,919 tỷ đồng.

## **Điều 2. Giải pháp thực hiện**

### **1. Giải pháp về thu ngân sách nhà nước**

- Chỉ đạo quyết liệt để tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp nhất là công nghiệp chế biến khoáng sản, tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh vì đây là ngành có đóng góp chủ yếu vào ngân sách. Tăng cường các giải pháp thu hút đầu tư, trong đó trọng tâm cần đôn đốc các nhà đầu tư hoàn thành các dự án công nghiệp trọng điểm. Bên cạnh đó cần chú trọng phát triển cơ sở hạ tầng các khu công nghiệp, khu dân cư, đồng thời các địa phương cần chú trọng hơn nữa trong công tác thu ngân sách, tăng cường kiểm soát nguồn thu, chống thất thu ngân sách.

- Các cấp chính quyền quan tâm và có cơ chế chính sách, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh nhằm tăng trưởng kinh tế, tăng cường hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư chiều sâu, doanh nghiệp mở rộng sản xuất,...., đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để kêu gọi, thu hút vốn đầu tư nước ngoài bằng nhiều hình thức, tranh thủ tối đa nguồn vốn của Trung ương, vốn ODA thực hiện đầu tư có trọng điểm, ưu tiên cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, các lĩnh vực phát triển có giá trị kinh tế cao, tiếp tục thực hiện các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư của tỉnh phù hợp với tình hình thực tế,...nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh thu hút nguồn lực toàn xã hội cho phát triển kinh tế.

- Ngành Thuế tích cực, chủ động và thường xuyên làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về công tác thu ngân sách trên địa bàn, kịp thời đề xuất và tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong công tác thu ngân sách đảm bảo thu đúng, thu đủ và quản lý chặt chẽ các nguồn thu và chống thất thu ngân sách có hiệu quả. Tham mưu biện pháp quản lý hiệu quả và có biện pháp chống thất thu hoặc áp dụng ấn định thuế đối với các lĩnh vực có khả năng thất thu như lĩnh vực khai thác khoáng sản, lĩnh vực thương mại, dịch vụ,....

## 2. Giải pháp về chi ngân sách nhà nước

Thực hiện nghiêm Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công, các Luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn Luật. Quản lý chi ngân sách chủ động, chặt chẽ, linh hoạt, tiết kiệm, đúng quy định và trong phạm vi dự toán được giao. Tiết kiệm chi ngân sách trong các khâu phân bổ, giao dự toán và thực hiện chi ngân sách. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý chi ngân sách nhà nước. Đổi mới cơ chế quản lý, phân cấp thu - chi ngân sách và phân bổ ngân sách để các đơn vị, địa phương phát huy tối đa nội lực, chủ động trong thực hiện nhiệm vụ thu - chi ngân sách. Tiếp tục đẩy mạnh các giải pháp về thắt chặt chi tiêu ngân sách, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển nhằm đảm bảo cơ cấu chi ngân sách hợp lý, tăng dần tỷ trọng chi đầu tư, giảm tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách. Bố trí vốn cho các dự án trọng tâm, trọng điểm hoàn thành sớm để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tránh dàn trải và lãng phí ngân sách; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn (đặc biệt là vốn đầu tư phát triển, các Chương trình mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia). Chuyển hướng dần quản lý chi ngân sách nhà nước theo kết quả thực hiện nhiệm vụ. Thực hiện tốt việc sắp xếp, đổi mới hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, phấn đấu cắt giảm kinh phí chi từ ngân sách nhà nước đối với khu vực sự nghiệp công, cắt giảm kinh phí thông qua việc cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức và tinh gọn bộ máy quản lý hành chính nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách địa phương.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thường lệ tháng 12 năm 2020 thông qua ngày ... tháng ....năm 2020./.

*(Có biểu chi tiết kèm theo)*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (Thành ủy), HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT, HS...

**CHỦ TỊCH**



## KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 05 NĂM 2021 - 2025

(Kèm theo Nghị quyết số            ngày    /12/2020 của HĐND tỉnh Bắc Kạn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	
			Tổng giai đoạn	2016	2017	2018	2019		Ước 2020
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	<b>TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH</b>	0	55.137.304	9.171.766	10.044.521	11.041.384	12.050.052	12.829.581	75.000.000
B	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	3.146.000	3.230.986	595.108	581.493	643.986	710.439	699.960	4.562.000
	<i>Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)</i>	34	59,6	23,4	-2,3	10,7	10,3	-1,5	41,2
	<i>Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)</i>	0	5,9	6,5	5,8	5,8	5,9	5,5	6,1
	<i>Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)</i>	0	4,3	4,4	4,1	4,5	4,2	4,2	4,5
I	<b>Thu nội địa</b>	3.106.000	3.194.647	592.911	579.449	642.240	695.087	684.960	4.512.000
	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>		52,9	33,2	-2,3	10,8	8,2	-1,5	41,2
	<i>Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)</i>		98,9	99,6	99,6	99,7	97,8	97,9	98,9
	<i>Trong đó: Thu tiền sử dụng đất</i>	353.000	473.329	68.776	97.819	85.646	101.688	119.400	505.000
	<i>Thu xổ số kiến thiết</i>	72.000	71.576	13.030	13.055	15.001	15.390	15.100	83.000
II	<b>Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu</b>	40.000	36.338	2.197	2.044	1.746	15.351	15.000	50.000
	<i>Tốc độ tăng thu (%)</i>		-66,3	-94,1	-7,0	-14,6	779,2	-2,3	37,6
	<i>Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)</i>	1,3	1,1	0,4	0,4	0,3	2,2	2,1	1,1
C	<b>TỔNG THU NSDP (I+II+II)</b>	23.395.965	29.599.489	4.578.156	5.156.916	6.194.909	6.446.922	7.222.586	30.470.531
	<i>Tốc độ tăng thu NSDP (%)</i>			-0,1	12,6	20,1	4,1	12,0	2,9
	<i>Tỷ lệ thu NSDP so với GRDP (%)</i>		53,7	49,9	51,3	56,1	53,5	56,3	40,6
I	<b>Thu NSDP được hưởng theo phân cấp</b>	2.791.118	2.784.614	494.916	513.174	572.272	600.142	604.110	3.961.600

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Kế hoạch giai đoạn 2021- 2025	
			Tổng giai đoạn	2016	2017	2018	2019		Ước 2020
	Tốc độ tăng (%)		42,0	16,1	3,7	11,5	4,9	0,7	42,3
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)	11,9	11,3	12,8	11,3	11,0	11,9	10,0	13,0
<b>II</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>20.570.462</b>	<b>21.950.802</b>	<b>3.361.411</b>	<b>4.020.618</b>	<b>4.644.171</b>	<b>4.461.470</b>	<b>5.463.132</b>	<b>26.473.944</b>
	Tốc độ tăng (%)		36,3	-1,2	19,6	15,5	-3,9	22,5	20,6
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)	88,1	88,7	87,2	88,7	89,0	88,1	90,0	87,0
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	12.870.065	12.870.065	1.492.057	2.802.252	2.802.252	2.858.252	2.915.252	15.459.310
-	Thu bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	1.274.702	1.274.702	629.079		114.536	194.592	336.495	1.706.113
-	Thu bổ sung có mục tiêu	6.425.695	7.806.035	1.240.275	1.218.366	1.727.383	1.408.626	2.211.385	9.308.520
<b>III</b>	<b>Các khoản thu khác (thu chuyển nguồn năm trước sang, thu kết dư ngân sách, thu ngân sách cấp dưới nộp lên,...)</b>	<b>34.385</b>	<b>4.864.073</b>	<b>721.829</b>	<b>623.124</b>	<b>978.466</b>	<b>1.385.310</b>	<b>1.155.344</b>	<b>34.987</b>
<b>D</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>23.332.315</b>	<b>24.512.988</b>	<b>4.020.058</b>	<b>4.067.582</b>	<b>4.860.496</b>	<b>5.258.274</b>	<b>6.306.578</b>	<b>30.490.335</b>
	Tốc độ tăng chi NSDP (%)		21,2	-1,4	1,2	19,5	8,2	19,9	24,4
	Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)		44,5	43,8	40,5	44,0	43,6	49,2	40,7
	Trong đó								
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>7.017.434</b>	<b>7.414.933</b>	<b>1.020.797</b>	<b>986.183</b>	<b>1.381.006</b>	<b>1.599.675</b>	<b>2.427.272</b>	<b>11.074.033</b>
	Tốc độ tăng (%)		102,1	-2,1	-3,4	40,0	15,8	51,7	49,3
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	30,1	30,2	25,4	24,2	28,4	30,4	38,5	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>15.945.360</b>	<b>16.721.957</b>	<b>2.884.195</b>	<b>3.042.899</b>	<b>3.380.263</b>	<b>3.538.294</b>	<b>3.876.306</b>	<b>18.925.231</b>
	Tốc độ tăng (%)		29,3	-0,3	5,5	11,1	4,7	9,6	13,2
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	68,3	68,2	71,7	74,8	69,5	67,3	61,5	
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>3.708</b>	<b>4.535</b>		<b>1.735</b>	<b>376</b>	<b>424</b>	<b>2.000</b>	<b>21.780</b>
	Tốc độ tăng (%)					-78,3	12,8	371,7	480,3
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)		0,019		0,043	0,008	0,008	0,032	0,071

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2016-2020	Thực hiện giai đoạn 2016-2020					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	
			Tổng giai đoạn	2016	2017	2018	2019		Ước 2020
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương								
E	BỘI CHI/BỘI THU NSĐP	231.990	249.961		154.006	26.089	19.466	50.400	19.804
F	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSĐP								
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSĐP		601.317	140.685	102.635	114.455	118.812	124.730	792.320
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)			197.002	241.711	87.705	61.616	42.150	92.550
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSĐP (%)			140,0	235,5	76,6	51,9	33,8	11,7
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)			2,1	2,4	0,8	0,5	0,3	0,1
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)		297.806	61.402	157.700	36.700	33.304	8.700	142.919
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc		36.843		3.694	10.611	13.838	8.700	127.781
	Từ nguồn bội thu NSĐP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh		260.963	61.402	154.006	26.089	19.466		15.138
IV	Tổng mức vay trong kỳ (năm)		193.354	106.111	3.694	10.611	13.838	59.100	162.723
-	Vay để bù đắp bội chi		50.400					50.400	34.942
-	Vay để trả nợ gốc		42.954	6.111	3.694	10.611	13.838	8.700	127.781
-	Vay tồn ngân KBNN		100.000	100.000					
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)			241.711	87.705	61.616	42.150	92.550	112.354
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSĐP (%)			171,8	85,5	53,8	35,5	74,2	14,2
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)			2,6	0,9	0,6	0,3	0,7	0,1